

Bản án số: 407/2024/HS-PT

Ngày 29 tháng 5 năm 2024

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hồng.

Các thẩm phán:

Ông Lê Hoàng Tấn.

Ông Ngô Đức Thọ.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Trung Kiên - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Cao Minh Trí - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 29 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 204/2024/TLPT-HS ngày 04 tháng 3 năm 2024 đối với bị cáo Huỳnh Văn N và các đồng phạm do có kháng cáo của các bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 08/2024/HS-ST ngày 22/01/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

**Các bị cáo bị kháng cáo:**

1. Huỳnh Văn N, sinh ngày 25 tháng 4 năm 2004 tại Campuchia; nơi ở hiện tại: Ấp V, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 1/12; Dân tộc: Khơ me; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Huỳnh Văn N1, và bà Lâm Thị Ngọc G; Gia đình có 05 anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; Chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Ngày 25/10/2022 bị Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai xử phạt 08 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số: 143/2022/HSST ngày 25/10/2022. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 16/7/2022 đến nay, có mặt.

2. Nguyễn Văn P (tên gọi khác: Phong N2), sinh ngày 09 tháng 5 năm 2003 tại tỉnh Đồng Nai; Nơi đăng ký thường trú và nơi ở hiện tại: Ấp V, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 04/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn B và bà Thạch Thị P1; Gia đình có 04 chị em, bị cáo là con thứ ba trong gia đình; Chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam từ ngày 16/7/2022 đến nay, có mặt.

3. Trần Xuân L, sinh ngày 20 tháng 4 năm 2004 tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Nơi đăng ký thường trú và nơi ở hiện tại: Ấp B, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 08/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính:

Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: (Không rõ) và bà Trần Thị Bích L1, sinh năm 1972; Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam từ ngày 16/7/2022 đến nay, có mặt.

4. Nguyễn Trần Đăng K, sinh ngày 29 tháng 6 năm 2000 tại tỉnh Đồng Nai; Nơi đăng ký thường trú và nơi ở hiện tại: Ấp Đ, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn G1, sinh năm 1968 và bà Trần Thanh L2, sinh năm 1973; Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam từ ngày 16/7/2022 đến nay, có mặt.

5. Lê Minh T, sinh ngày 05 tháng 3 năm 2002 tại tỉnh Đồng Nai; Nơi đăng ký thường trú và nơi ở hiện tại: Ấp V, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 03/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Minh N3, sinh năm 1973 và bà Hồ Thị X (đã chết); Gia đình có 04 chị em, bị cáo là con út trong gia đình; Chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/7/2022 đến nay, có mặt.

6. Đoàn Văn V (tên gọi khác: C), sinh ngày 28 tháng 10 năm 2006 tại tỉnh Đồng Nai; Nơi đăng ký thường trú và nơi ở hiện tại: Tổ G, ấp S, xã S, huyện X, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 08/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đoàn Văn L3, sinh năm 1972 và bà Đỗ Thị Thùy D, sinh năm 1982; Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; Chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam từ ngày 08/3/2023 đến nay, có mặt.

*Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Huỳnh Văn N và bị cáo Nguyễn Văn P:* Luật sư Đoàn Trọng N4 – Văn phòng Luật sư Đoàn Trọng N4, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H, có mặt.

*Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Trần Xuân L và bị cáo Nguyễn Trần Đăng K:* Luật sư Vũ Thanh H – Văn phòng Luật sư Vũ Thanh H, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H, có mặt.

*Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Lê Minh T và bị cáo Đoàn Văn V:* Luật sư Lê Ngô Phương T1 – Công ty L5, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H, có mặt.

*Những người tham gia tố tụng khác có kháng cáo:*

1. *Bị hại:* Anh Võ Văn T2, sinh năm 1994. Địa chỉ: Xóm F, thôn C, xã S, huyện T, tỉnh Bình Thuận, có mặt.

2. *Người đại diện hợp pháp của bị hại Võ Văn T3 (đã chết):* Ông Võ Văn T4, sinh năm 1976 và bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1974. Cùng địa chỉ: Xóm F, thôn C, xã S, huyện T, tỉnh Bình Thuận, có mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại:* Luật sư Nguyễn Ngọc L4 và Luật sư Nguyễn Thị Thanh H2 – Văn phòng L6, có mặt.

*Người đại diện hợp pháp của bị cáo Đoàn Văn V:* Ông Đoàn Văn L3 là bố của

bị cáo, có mặt.

*(Ngoài ra còn 08 người liên quan không liên quan đến kháng cáo).*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Vào khoảng 18 giờ 30 phút ngày 15/7/2022, anh Võ Văn T3 và anh Võ Văn T2 đến dự tiệc tại nhà anh Võ Văn T5 địa chỉ ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai. Lúc này nhóm bạn của anh T5 gồm Nguyễn Văn P, Huỳnh Văn N, Lê Minh T, Trần Xuân L, Đoàn Văn V, Nguyễn Thanh T6 sinh ngày 14/9/2004 và Nguyễn Trần Đăng K cũng ngồi uống rượu ở bàn bên cạnh.

Đến khoảng 21 giờ 40 phút cùng ngày, giữa anh T2 và anh T5 xảy ra mâu thuẫn, anh T2 dùng tay đánh một cái vào mặt anh T5. Thấy vậy, N và K chạy đến can ngăn thì bị anh T2 dùng chân bàn bằng sắt đánh N nhưng N né được nên không trúng, còn K bị ông Võ Văn T4 (bố ruột của T2) dùng tay đánh vào đầu và bị Thương dùng bếp ga mini đánh vào đầu. Khi đó, K kêu lên “Tao hết thấy đường rồi tui bay” thì P, L, T, V, T6 cùng chạy lên khu vực sân khấu và bị ông T4 dùng tay không đánh vào đầu. T2 dùng chân đạp vào đùi của P làm P té xuống đất rồi T2 bỏ chạy lên khu vực sân khấu dùng ghế nhựa đánh V, nên V dùng chân đạp vào người Thân làm Thân té ngã, V tiếp tục xông vào dùng tay không đánh vào lưng của T2 02 đến 03 cái, thì bị ông T4 xông tới bóp cổ Vũ và kéo V ra ngoài. L dùng dây thắt lưng đánh vào tay T2. K dùng cây gỗ đánh vào người Thân (không rõ vị trí). T dùng ghế nhựa đánh vào vai T2. Thân vùng dậy dùng ghế nhựa ném về phía nhóm của P trúng vào đầu T6 nên T6 cầm ghế nhựa ném lại nhưng không trúng ai. P thấy T2 chạy vòng quanh khu vực sân khấu thì la lên “Bắt thằng áo trắng (T2) lại đánh chết mẹ nó cho tao” nên L, K, T đuổi theo bắt và đè vật ngã Thân xuống phía bên hông rạp đám tiệc. P chạy đến đánh T2 thì bị T2 dùng chân đạp vào ngực P, P lấy 01 con dao bấm mang theo trong người đâm trúng hông sườn phải của T2. N chạy vào trong rạp đám tiệc lấy 01 con dao Thái Lan, cán nhựa màu đỏ đâm 01 nhát trúng vào phần vai phải của T2. Thấy vậy, ông T4 và anh T3 chạy tới dùng tay đánh vào đầu của P bị P và N dùng dao đâm 02 nhát trúng vào vùng ngực của anh T3, anh T3 bỏ chạy thì bị N đâm thêm 01 nhát trúng vào vùng lưng. Lúc này, T2 vùng dậy cầm ghế nhựa bỏ chạy khỏi rạp đám tiệc thì P la lên “Dí đánh chết mẹ nó cho tao” và đuổi theo T2. Thấy vậy L, K, T và V cầm theo hung khí tiếp tục đuổi theo để đánh T2 nhưng không đuổi kịp nên V quay lại cổng rạp đám tiệc. N đi ra cổng rạp đám tiệc và cầm con dao Thái Lan vừa sử dụng để đâm anh T3 đưa cho V, nói V dùng dao đâm nhóm T2, anh T3 và ông T4 nhưng Vũ cất con dao vào trong túi quần. Thấy vậy, ông T4 cầm chân bàn bằng sắt chạy theo để đánh nhằm giải vây cho T2, thì ông T4 bị K dùng cây gỗ nhện ở bên đường đánh 2-3 nhát vào vai, ông T4 dùng cây đánh lại nên K bỏ chạy. L dùng dây thắt lưng đánh vào tay ông T4 thì bị ông T4 đánh trúng vào chân té ngã. P và T đuổi đánh T2 thì bị ông T4 và T2 đánh trả nên bỏ chạy về phía cổng rạp đám tiệc nhặt con dao rựa để quay lại đánh nhau thì bị ông Võ Văn T7 (bố ruột của T5) khống chế, tước được con dao rựa. Khi người nhà chở anh T3 và T2 đi cấp cứu thì N đã chặn đầu xe không cho người nhà đưa anh T3 đi cấp cứu. Sau đó, khi có người hô “Công an đến” thì nhóm của N, P,

L, V, K, T lên xe mô tô bỏ chạy khỏi hiện trường. Trên đường về, V đưa lại cho N con dao Thái Lan thì N nói Vũ rút con dao và kể cho V biết N đã dùng con dao này để đâm anh T3 và T2. Anh T3 được gia đình đưa đi cấp cứu nhưng sau đó đã tử vong.

Tại Bản Kết luận giám định pháp y về tử thi số: 1519/KL-KTHS ngày 15/8/2022 của Phòng K1 Công an tỉnh Đ kết luận nguyên nhân tử vong của Võ Văn T3 như sau: Dấu hiệu chính: Bên ngoài thấy rách vải áo vùng ngực; rách da vùng ngực, rách da vùng lưng. Giải phẫu thấy trong khoang lồng ngực hai bên và ổ bụng có máu; rách khe liên sườn; bầm tụ máu thùy giữa phổi phải, rách bờ trước thùy dưới phổi trái; rách tụ máu bao màng tim, rách gốc động mạch chủ cơ tim, thủng mặt trên thùy gan phải; Nguyên nhân tử vong: Sốc mất máu do đa vết thương vùng ngực - lưng gây thủng thùy phổi, rách gốc động mạch chủ cơ tim, thủng thùy gan phải. Hung khí: Vật sắc nhọn; Cơ chế: Nạn nhân bị tác động bởi vật sắc nhọn trực tiếp vào vùng ngực - lưng gây thủng thùy phổi, rách gốc động mạch chủ dẫn tới mất máu suy tuần hoàn tử vong (bút lục 31).

Tại Bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số: 1266/TgT/2022 ngày 15/11/2022 của Trung tâm Pháp y tỉnh Đ kết luận tình trạng thương tích của Võ Văn T2 như sau: Dấu hiệu chính qua giám định: Sẹo ngực bên phải; Sẹo 1/3 trên mặt sau cánh tay phải; Sẹo mô dẫn lưu cánh tay phải. Kết luận: Sẹo ngực bên phải kích thước 04 x 01cm; Sẹo cánh tay phải kích thước 06 x 0,5cm; Sẹo mô dẫn lưu cánh tay phải kích thước 0,5 x 0,5cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân Võ Văn T2 là 05% (năm phần trăm); Kết luận khác: Vật gây thương tích: Thương tích ngực và tay phải: Vật sắc (bút lục 43-45).

Tại Bản Kết luận giám định số: 5506/KL-KTHS ngày 23/11/2022 của Phân viện Khoa học Hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh thuộc Bộ C1 kết luận truy nguyên về mẫu máu trên các hung khí và dấu vết máu thu được tại hiện trường như sau: Trên con dao bấm bằng kim loại màu đen dài 23cm và 02 áo sơ mi đều có máu người. Phân tích được một kiểu gen nam giới hoàn chỉnh, trùng với ADN của nạn nhân Võ Văn T3 (bút lục 32).

Vật chứng của vụ án bị thu giữ gồm: 01 áo khoác dính chất màu nâu; 01 nón lưỡi trai màu đen hiệu Nón Sơn; 01 đôi dép màu đen hiệu Trung Phát; 01 đôi dép màu đen hiệu TL Sport; 01 thắt lưng da màu nâu không có mặt; 01 áo sơ mi dài tay dính chất màu nâu đỏ; 01 áo khoác màu nâu xanh trắng; 01 áo sơ mi dài tay trắng dính máu hiệu Authentic Jeanswear & Quality Goods; 01 đôi dép nữ màu đen hiệu Hồng Thanh; 01 đôi dép nữ màu hồng hiệu By By; 01 đôi dép tổ ong màu trắng; 01 đôi dép màu xanh trắng; 01 đôi dép nữ màu đen trắng; 01 dép xốp màu trắng; 01 dép trái màu đen; 01 dép da màu đen nâu; 01 bếp ga mini; 01 bình ga mini; một số mảnh ghế nhựa vỡ màu đỏ; một số mảnh vỡ nón bảo hiểm; 02 đĩa màu trắng; 01 con dao bấm bằng kim loại, kích thước 23cm, mũi dao nhọn; 01 con dao rựa cán bằng gỗ, lưỡi dao rựa bằng kim loại; 01 con dao dài 16cm, cán nhựa màu đỏ, mũi dao bằng kim loại, nhọn đầu (bút lục 53-56; 86-90).

Về trách nhiệm dân sự: Ông Võ Văn T4 và bà Nguyễn Thị H1 (đại diện gia đình người bị hại Võ Văn T3) yêu cầu các bị cáo Huỳnh Văn N, Nguyễn Văn P, Nguyễn Trần Đăng K, Trần Xuân L, Lê Minh T và Đoàn Văn V bồi thường số tiền

700.000.000 đồng, trong đó: chi phí mai táng là 200.000.000 đồng và tổn thất tinh thần 500.000.000 đồng. Anh Võ Văn T2 yêu cầu các bị cáo bồi thường chi phí khám chữa bệnh và tổn thất tinh thần theo quy định pháp luật. Gia đình bị cáo Nguyễn Văn P đã tác động gia đình nộp 50.000.000 đồng để bồi thường cho gia đình bị hại Võ Văn T3.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về độ tuổi số 1999/C09B ngày 12/4/2022 của Phân viện khoa học kỹ thuật hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Tại thời điểm giám định tháng 4 năm 2022 Huỳnh Văn N có độ tuổi từ 16 năm 09 tháng đến 17 năm 3 tháng.

Các bị cáo Huỳnh Văn N, Trần Xuân L khi phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi và Đoàn Văn V phạm tội khi chưa đủ 16 tuổi nên áp dụng quy định tại khoản 1,2 Điều 101 của Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt.

Đối với Nguyễn Thanh T6 không có tham gia cùng với các bị cáo để rượt đuổi đánh các bị hại nên Cơ quan điều tra không xử lý trách nhiệm hình sự. Đối với hành vi gây rối của Võ Văn T2 và các đối tượng khác có liên quan, Cơ quan điều tra đã tách ra bằng một vụ án khác để điều tra, xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại Cáo trạng số: 268/CT-VKS-P2 ngày 27/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai truy tố các bị cáo Huỳnh Văn N, Nguyễn Văn P, Trần Xuân L, Nguyễn Trần Đăng K, Lê Minh T và Đoàn Văn V về tội “Giết người” theo quy định tại các điểm a, n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

*Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 08/2024/HSST ngày 22/01/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đã quyết định:*

Tuyên bố các bị cáo Huỳnh Văn N, Nguyễn Văn P, Trần Xuân L, Nguyễn Trần Đăng K, Lê Minh T và Đoàn Văn V phạm tội “Giết người”.

Áp dụng điểm a, n khoản 1 Điều 123; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 (áp dụng thêm điểm b khoản 1 Điều 51 đối với bị cáo Nguyễn Văn P; áp dụng điểm e khoản 1 Điều 52 đối với bị cáo Huỳnh Văn N; áp dụng khoản 1 Điều 101 đối với các bị cáo Huỳnh Văn N, Trần Xuân L; áp dụng khoản 2 Điều 101 đối với bị cáo Đoàn Văn V) của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt các bị cáo:

Bị cáo Huỳnh Văn N 17 (mười bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/7/2022.

Bị cáo Nguyễn Văn P 17 (mười bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/7/2022.

Bị cáo Nguyễn Trần Đăng K 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/7/2022.

Bị cáo Lê Minh T 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/7/2022.

Bị cáo Trần Xuân L 06 (sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/7/2022.

Bị cáo Đoàn Văn V 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 08/3/2023.

Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 46, 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, Điều 586, Điều 587, Điều 590, Điều 591, Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015, Nghị quyết số: 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng;

- Buộc ông Huỳnh Văn N1 và bà Lâm Thị Ngọc G bồi thường cho anh T2 7.200.000 đồng.

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn P bồi thường anh T2 5.400.000 đồng.

- Buộc bà Trần Thị Bích L1 bồi thường cho anh T2 1.350.000 đồng.

- Buộc bị cáo K bồi thường cho anh T2 1.350.000 đồng.

- Buộc bị cáo T bồi thường anh T2 1.350.000 đồng.

- Buộc ông Đoàn Văn L3 và bà Đỗ Thị Thùy D bồi thường cho anh T2 1.350.000 đồng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm quyết định về trách nhiệm dân sự bồi thường cho gia đình bị hại Võ Văn T3 308.950.000 đồng trong đó: buộc ông Huỳnh Văn N1 và bà Lâm Thị Ngọc G (cha mẹ của bị cáo Huỳnh Văn N) bồi thường cho gia đình anh T3 123.580.000 đồng; buộc bị cáo Nguyễn Văn P phải bồi thường cho gia đình anh T3 92.685.000 đồng khấu trừ số tiền đã nộp bồi thường 50.000.000 đồng, bị cáo P còn phải bồi thường tiếp cho gia đình anh T3 42.685.000 đồng; buộc bà Trần Thị Bích L1 (mẹ của bị cáo L) bồi thường cho gia đình anh T3 23.171.250 đồng; buộc bị cáo Nguyễn Trần Đăng K bồi thường cho gia đình anh T3 23.171.250 đồng; buộc bị cáo Lê Minh T bồi thường cho gia đình anh T3 23.171.250 đồng; buộc ông Đoàn Văn L3 và bà Đỗ Thị Thùy D (cha mẹ của bị cáo V) bồi thường cho gia đình anh T3 23.171.250 đồng; về việc ông Võ Văn T4 và bà Nguyễn Thị H1 có quyền liên hệ Cục thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai để nhận số tiền bồi thường do gia đình bị cáo P đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0000968 ngày 28/8/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai; xử lý vật chứng; về lãi suất chậm thi hành án; về án phí sơ thẩm; về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 31/01/2024, bị hại Võ Văn T2 kháng cáo yêu cầu tăng nặng hình phạt đối với các bị cáo Huỳnh Văn N, Nguyễn Văn P, Trần Xuân L, Nguyễn Trần Đăng K, Lê Minh T và Đoàn Văn V và yêu cầu xem xét lại phần bồi thường thiệt hại cho anh Võ Văn T2.

- Ngày 31/01/2024, ông Võ Văn T4 và bà Nguyễn Thị H1 là người đại diện hợp pháp của bị hại Võ Văn T3 có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu tăng nặng hình phạt đối với các bị cáo Huỳnh Văn N, Nguyễn Văn P, Trần Xuân L, Nguyễn Trần Đăng K, Lê Minh T và Đoàn Văn V.

*Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:*

- Ông Võ Văn T4 và bà Nguyễn Thị H1 là người đại diện hợp pháp của bị hại Võ Văn T3 giữ yêu cầu kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử tăng hình

phạt đối với các bị cáo Huỳnh Văn N, Nguyễn Văn P, Trần Xuân L, Nguyễn Trần Đăng K, Lê Minh T và Đoàn Văn V.

- Bị hại Võ Văn T2 kháng cáo yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm xét xử tăng hình phạt đối với các bị cáo Huỳnh Văn N, Nguyễn Văn P, Trần Xuân L, Nguyễn Trần Đăng K, Lê Minh T và Đoàn Văn V và yêu cầu giải quyết buộc các bị cáo bồi thường cho ông T2 thêm các khoản chi phí đi khám bệnh, thu nhập bị mất trong thời gian nghỉ dưỡng bệnh, khoản tiền bù đắp về tinh thần với số tiền 95.022.000 đồng.

- Các bị cáo Huỳnh Văn N, Nguyễn Văn P, Trần Xuân L, Nguyễn Trần Đăng K, Lê Minh T và Đoàn Văn V khai nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã xét xử nên không kháng cáo. Yêu cầu giữ nguyên hình phạt như bản án sơ thẩm đã xử. Về trách nhiệm dân sự các bị cáo đều đồng ý bồi thường các khoản thiệt hại với số tiền 95.022.000 đồng theo yêu cầu của bị hại Võ Văn T2.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến về người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật về tố tụng hình sự; đơn kháng cáo của bị cáo đảm bảo hình thức, trong thời hạn, đủ điều kiện giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị hại: Xét thấy bản án sơ thẩm đã tuyên bố các bị cáo phạm tội “*Giết người*” theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và xử phạt các bị cáo với mức hình phạt đã tuyên là tương xứng. Tại phiên tòa phúc thẩm bị hại Võ Văn T2 và người đại diện hợp pháp của bị hại Võ Văn T3 giữ nguyên kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt đối với các bị cáo nhưng không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm mới nên đề nghị bác kháng cáo của bị hại về yêu cầu tăng hình phạt đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Toà án cấp sơ thẩm đã xem xét và buộc các bị cáo có trách nhiệm bồi thường các khoản thiệt hại cho các bị hại. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo tự nguyện bồi thường tiếp cho bị hại Võ Văn T2 số tiền 95.022.000 đồng. Do đó, đề nghị công nhận sự tự nguyện của các bị cáo bồi thường cho anh T2 số tiền 95.022.000 đồng.

*Luật sư bảo vệ quyền lợi hợp pháp của bị hại có ý kiến:* Bản án sơ thẩm chưa xem xét toàn diện các chứng cứ có trong hồ sơ, chưa xem xét có hay không có về việc các bị cáo gây thương tích cho chị Võ Thị Linh T8, việc chị T8 bị thương tích nhẹ là ngoài ý muốn của các bị cáo. Hành vi phạm tội của các bị cáo là quyết tâm phạm tội đến cùng thể hiện qua hành động ngăn cản khi đưa bị hại đi cấp cứu; căn cứ vào lời khai của người làm chứng thể hiện ông T4 không có tham gia vào vụ xô xát. Xét mức hình phạt mà Tòa án tuyên phạt đối với các bị cáo là chưa hợp lý. Xét mức hình phạt mà Tòa án sơ thẩm đã tuyên chưa đủ răn đe. Do đó, đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị hại, tăng hình phạt đối với các bị cáo.

*Luật sư bào chữa cho các bị cáo Huỳnh Văn N, Nguyễn Văn P có ý kiến:* Thống nhất về tội danh và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như Bản án sơ thẩm đã nhận định. Tòa án sơ thẩm tuyên mức hình phạt đối với bị cáo N và P là phù hợp. Tại phiên tòa các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào mới do đó đề nghị bác kháng cáo của bị hại yêu cầu tăng hình

phạt đối với các bị cáo. Đối với kháng cáo yêu cầu bồi thường của bị hại Võ Văn T2, do các bị cáo tự nguyện bồi thường cho ông T2 số tiền 95.023.000 đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận.

*Luật sư bào chữa cho các bị cáo Trần Xuân L, Nguyễn Trần Đăng K có ý kiến:* Thống nhất về tội danh mà Bản án sơ thẩm đã tuyên xử đối với các bị cáo. Các bị cáo đều có hoàn cảnh nghèo, trình độ học vấn thấp. Khi phạm tội bị cáo L chưa đủ 18 tuổi. Bản án sơ thẩm tuyên xử mức hình phạt đối với bị cáo L và K là phù hợp. Do đó, đề nghị bác kháng cáo của bị hại yêu cầu tăng hình phạt đối với các bị cáo. Đối với kháng cáo yêu cầu bồi thường của bị hại Võ Văn T2, do các bị cáo tự nguyện bồi thường cho ông T2 số tiền 95.022.000 đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận.

*Luật sư bào chữa cho các bị cáo Lê Minh T, Đoàn Văn V có ý kiến:* Thống nhất về tội danh và hình phạt như Bản án sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo T và V. Do đó, đề nghị bác kháng cáo của bị hại yêu cầu tăng hình phạt đối với các bị cáo. Đối với kháng cáo yêu cầu bồi thường của bị hại Võ Văn T2, do các bị cáo tự nguyện bồi thường nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Đơn kháng cáo của anh Võ Văn T2 và đơn kháng cáo của ông Võ Văn T4, bà Nguyễn Thị H1 là người đại diện hợp pháp của bị hại Võ Văn T3 làm trong thời hạn luật định, đủ điều kiện để xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, các kết luận giám định cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để xác định:

Vào khoảng 21 giờ 40 phút ngày 15/7/2022, tại bãi đất trống đoạn đường liên xã thuộc ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai, giữa anh Võ Văn T2 và anh T5 xảy ra mâu thuẫn cãi nhau, dẫn đến xô xát giữa anh T2, anh T3 với nhóm của Huỳnh Văn N, Nguyễn Văn P, Trần Xuân L, Nguyễn Trần Đăng K, Lê Minh T, Đoàn Văn V.

Trong lúc nhóm của Huỳnh Văn N, Nguyễn Văn P, Trần Xuân L, Nguyễn Trần Đăng K, Lê Minh T, Đoàn Văn V rượt đuổi đánh anh T3 và anh T2, thì bị cáo N đã cầm dao đâm 02 nhát vào vùng ngực và lưng của anh Võ Văn T3 và đâm 02 nhát vào tay của anh T2; bị cáo Nguyễn Văn P cầm dao đâm 01 nhát trúng vào vùng ngực của anh T3, đâm 01 nhát vào vùng nách của anh T2. Hậu quả, anh Võ Văn T3 bị tử vong, anh Võ Văn T2 bị tỷ lệ thương tật là 05%.

Tại Bản Kết luận giám định pháp y về tử thi số: 1519/KL-KTHS ngày 15/8/2022 của Phòng K1 Công an tỉnh Đ xác định nguyên nhân tử vong của Võ Văn T3 là do sốc mất máu do đa vết thương vùng ngực - lưng gây thủng thùy phổi, rách gốc động mạch chủ cơ tim, thủng thùy gan phải; Tại Bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số: 1266/TgT/2022 ngày 15/11/2022 của Trung tâm Pháp y

tình Đ xác định anh Võ Văn T2 bị 01 vết thương vùng ngực và 01 vết thương cánh tay phải với tổng tỷ lệ thương tật là 05% (năm phần trăm) do vật sắc gây ra.

Do đó, Bản án sơ thẩm tuyên bố các bị cáo Huỳnh Văn N, Nguyễn Văn P, Trần Xuân L, Nguyễn Trần Đăng K, Lê Minh T và Đoàn Văn V phạm tội “Giết người” theo quy định tại các điểm a, n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến tính mạng, sức khỏe của người khác, gây ra đau thương mất mát cho gia đình bị hại; làm mất trật tự trị an tại địa phương nên cần có mức hình phạt nghiêm khắc mới đảm bảo tác dụng giáo dục các bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội.

Xét trong vụ án có đồng phạm, trong đó bị cáo Huỳnh Văn N, Nguyễn Văn P là người trực tiếp cầm dao đâm bị hại Võ Văn T3 và Võ Văn T2 hậu quả anh Võ Văn T3 bị tử vong, anh Võ Văn T2 bị tỷ lệ thương tật là 05%. Ngoài ra bị cáo N còn ngăn cản không cho đưa bị hại đi cấp cứu. Đối với các bị cáo Trần Xuân L, Nguyễn Trần Đăng K, Lê Minh T và Đoàn Văn V tham gia cùng với N, P rượt đuổi đánh các bị hại với vai trò giúp sức. Sau khi phạm tội bị cáo Nguyễn Văn P và Nguyễn Trần Đăng K đã tự nguyện ra đầu thú; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, lao động nghèo, trình độ học vấn thấp; bị cáo Nguyễn Văn P đã nộp một phần tiền để bồi thường cho gia đình bị hại Võ Văn T3; bị cáo Huỳnh Văn N và bị cáo Trần Xuân L phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi và Đoàn Văn V phạm tội khi chưa đủ 16 tuổi.

Khi quyết định hình phạt, Bản án sơ thẩm đã áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo N; áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo; áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 đối với bị cáo P đồng thời áp dụng khoản 1, 2 Điều 101 Bộ luật Hình sự quy định về mức phạt tù có thời hạn đối với người dưới 18 tuổi phạm tội đối với các bị cáo N, L, V là có căn cứ, đúng pháp luật. Tuy nhiên, Bản án sơ thẩm không áp dụng khoản 2 Điều 54 để quyết định hình phạt đối với các bị cáo Trần Xuân L, Nguyễn Trần Đăng K, Lê Minh T và Đoàn Văn V là thiếu sót nên cần phải bổ sung cho đúng quy định của pháp luật.

Xét mức hình phạt mà Bản án sơ thẩm đã tuyên phạt đối với từng bị cáo là có căn cứ, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra, có đảm bảo tác dụng giáo dục riêng và răn đe phòng ngừa chung. Ngoài ra, tại phiên tòa phúc thẩm gia đình bị cáo Nguyễn Trần Đăng K có nộp thêm tình tiết giảm nhẹ mới có ông nội là liệt sĩ trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Do đó, không chấp nhận kháng cáo của bị hại anh Võ Văn T2, kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị hại anh Võ Văn T3 và ý kiến đề nghị của Luật sư

bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người bị hại đề nghị tăng hình phạt đối với các bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bản án sơ thẩm tuyên buộc các bị cáo có trách nhiệm liên đới bồi thường tổn thất tinh thần cho bị hại Võ Văn T2 với số tiền 18.000.000 đồng. Trong đó buộc ông Huỳnh Văn N1 và bà Lâm Thị Ngọc G là cha mẹ của bị cáo N bồi thường anh T2 7.200.000 đồng; Buộc bị cáo P bồi thường cho anh T2 5.400.000 đồng; buộc bà Trần Thị Bích L1 là mẹ ruột của bị cáo L có trách nhiệm bồi thường cho anh T2 1.350.000 đồng; buộc bị cáo K bồi thường cho anh T2 1.350.000 đồng; buộc bị cáo T bồi thường cho anh T2 1.350.000 đồng; buộc ông Đoàn Văn L3 và bà Đỗ Thị Thùy D là cha mẹ của bị cáo V bồi thường cho anh T2 1.350.000 đồng.

Bị hại anh Võ Văn T2 kháng cáo yêu cầu giải quyết buộc các bị cáo bồi thường cho anh T2 thêm các khoản chi phí đi khám bệnh, thu nhập bị mất trong thời gian nghỉ dưỡng bệnh, khoản tiền bù đắp về tinh thần với số tiền 95.022.000 đồng.

Mặc dù, tại phiên tòa phúc thẩm bị hại Võ Văn T2 không xuất trình được tài liệu, chứng từ về các khoản thiệt hại nhưng các bị cáo Huỳnh Văn N, Nguyễn Văn P, Trần Xuân L, Nguyễn Trần Đăng K, Lê Minh T và Đoàn Văn V đều tự nguyện bồi thường số tiền 18.000.000 đồng như bản án sơ thẩm đã tuyên và bồi thường thêm cho bị hại Võ Văn T2 số tiền 95.022.000 đồng, tổng cộng chung là 113.022.000 đồng được chia theo phần: Mỗi bị cáo Huỳnh Văn N, Nguyễn Văn P, Trần Xuân L, Nguyễn Trần Đăng K, Lê Minh T và Đoàn Văn V có trách nhiệm bồi thường cho anh Võ Văn T2 số tiền: 18.837.000 đồng.

Xét thấy các bị cáo tự nguyện bồi thường cho bị hại Võ Văn T2 không trái với quy định của pháp luật, nên công nhận sự tự nguyện của các bị cáo về việc có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại Võ Văn T2 tổng số tiền: 113.022.000 đồng được chia theo phần: Mỗi bị cáo Huỳnh Văn N, Nguyễn Văn P, Trần Xuân L, Nguyễn Trần Đăng K, Lê Minh T và Đoàn Văn V có trách nhiệm bồi thường cho anh Võ Văn T2 số tiền: 18.837.000 đồng.

Do các bị cáo N, L và V là người chưa thành niên và không có tài sản riêng nên buộc ông Huỳnh Văn N1 và bà Lâm Thị Ngọc G là cha, mẹ bị cáo N có trách nhiệm bồi thường cho anh T2 số tiền 18.837.000 đồng. Buộc bà Trần Thị Bích L1 là mẹ bị cáo L có trách nhiệm bồi thường bồi thường cho anh T2 số tiền 18.837.000 đồng; buộc ông Đoàn Văn L3 và bà Đỗ Thị Thùy D là cha, mẹ bị cáo V có trách nhiệm bồi thường cho anh Võ Văn T2 số tiền 18.837.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị hại anh Võ Văn T2 và không chấp nhận kháng cáo của ông Võ Văn T4, bà Nguyễn Thị H1 là người đại diện hợp pháp của bị hại Võ Văn T3 về yêu cầu tăng hình phạt đối với các bị cáo. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm về phân trách nhiệm dân sự công nhận sự tự nguyện của các bị cáo về việc có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại Võ Văn T2 tổng số tiền: 113.022.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với nhận định trên.

[6] Về án phí hình sự phúc thẩm: Người đại diện hợp pháp của bị hại và bị hại Võ Văn T2 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự bồi thường cho gia đình bị hại Võ Văn T3 308.950.000 đồng trong đó: buộc ông Huỳnh Văn N1 và bà Lâm Thị Ngọc G (cha mẹ của bị cáo Huỳnh Văn N) bồi thường cho gia đình anh T3 123.580.000 đồng; buộc bị cáo Nguyễn Văn P phải bồi thường cho gia đình anh T3 92.685.000 đồng khấu trừ số tiền đã nộp bồi thường 50.000.000 đồng, bị cáo P còn phải bồi thường tiếp cho gia đình anh T3 42.685.000 đồng; buộc bà Trần Thị Bích L1 (mẹ của bị cáo Trần Xuân L) bồi thường cho gia đình anh T3 23.171.250 đồng; buộc bị cáo Nguyễn Trần Đăng K bồi thường cho gia đình anh T3 23.171.250 đồng; buộc bị cáo Lê Minh T bồi thường cho gia đình anh T3 23.171.250 đồng; buộc ông Đoàn Văn L3 và bà Đỗ Thị Thùy D (cha mẹ của bị cáo Đoàn Văn V) bồi thường cho gia đình anh T3 23.171.250 đồng; về việc ông Võ Văn T4 và bà Nguyễn Thị H1 có quyền liên hệ Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai để nhận số tiền bồi thường do gia đình bị cáo P đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0000968 ngày 28/8/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai; về lãi suất chậm thi hành án; về xử lý vật chứng; về án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm; về nghĩa vụ thi hành án không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm b khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại anh Võ Văn T2 và không chấp nhận kháng cáo của ông Võ Văn T4, bà Nguyễn Thị H1 là người đại diện hợp pháp của bị hại Võ Văn T3.

2. Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số: 08/2024/HS-ST ngày 22/01/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai về tăng mức bồi thường thiệt hại:

2.1. Tuyên bố các bị cáo Huỳnh Văn N, Nguyễn Văn P, Trần Xuân L, Nguyễn Trần Đăng K, Lê Minh T và Đoàn Văn V phạm tội “Giết người”.

2.2. Áp dụng điểm a, n khoản 1 Điều 123; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm e khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 58, khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Huỳnh Văn N 17 (mười bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/7/2022.

2.3. Áp dụng điểm a, n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn P 17 (mười bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/7/2022.

2.4. Áp dụng điểm a, n khoản 1 Điều 123; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, khoản 2 Điều 54, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Trần Đăng K 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/7/2022.

2.5. Áp dụng điểm a, n khoản 1 Điều 123; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, khoản 2 Điều 54, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Lê Minh T 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/7/2022.

2.6. Áp dụng điểm a, n khoản 1 Điều 123; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, khoản 2 Điều 54, Điều 58, khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Trần Xuân L 06 (sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/7/2022.

2.7. Áp dụng điểm a, n khoản 1 Điều 123; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, khoản 2 Điều 54, Điều 58, khoản 2 Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Đoàn Văn V 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 08/3/2023.

2.8. Về trách nhiệm dân sự: Công nhận sự tự nguyện của các bị cáo Huỳnh Văn N, Nguyễn Văn P, Trần Xuân L, Nguyễn Trần Đăng K, Lê Minh T và Đoàn Văn V có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại Võ Văn T2 tổng số tiền: 113.022.000 đồng được chia theo phần:

- Mỗi bị cáo Huỳnh Văn N, Nguyễn Văn P, Trần Xuân L, Nguyễn Trần Đăng K, Lê Minh T và Đoàn Văn V có trách nhiệm bồi thường cho anh Võ Văn T2 số tiền: 18.837.000 đồng (mười tám triệu tám trăm ba mươi bảy ngàn đồng).

- Do các bị cáo Huỳnh Văn N, Trần Xuân L và Đoàn Văn V là người chưa thành niên và không có tài sản riêng nên cha, mẹ của các bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho anh Võ Văn T2, cụ thể:

Buộc ông Huỳnh Văn N1 và bà Lâm Thị Ngọc G là cha, mẹ bị cáo Huỳnh Văn N có trách nhiệm bồi thường cho anh T2 số tiền 18.837.000 đồng (mười tám triệu tám trăm ba mươi bảy ngàn đồng).

Buộc bà Trần Thị Bích L1 là mẹ bị cáo Trần Xuân L có trách nhiệm bồi thường bồi thường cho anh Võ Văn T2 số tiền 18.837.000 đồng (mười tám triệu tám trăm ba mươi bảy ngàn đồng).

Buộc ông Đoàn Văn L3 và bà Đỗ Thị Thùy D là cha, mẹ bị cáo Đoàn Văn V có trách nhiệm bồi thường bồi thường cho anh Võ Văn T2 số tiền 18.837.000 đồng (mười tám triệu tám trăm ba mươi bảy ngàn đồng).

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Anh Võ Văn T2, ông Võ Văn T4 và bà Nguyễn Thị H1 không phải chịu án phí phúc thẩm.

4. Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự bồi thường cho gia đình bị hại Võ Văn T3 308.950.000 đồng trong đó: buộc ông Huỳnh Văn N1 và bà Lâm Thị Ngọc G (cha mẹ của bị cáo Huỳnh Văn N) bồi thường cho gia đình anh T3 123.580.000 đồng; buộc bị cáo Nguyễn Văn P phải bồi thường cho gia đình anh T3 92.685.000 đồng khấu trừ số tiền đã nộp bồi thường 50.000.000 đồng, bị cáo P còn phải bồi thường tiếp cho gia đình anh T3 42.685.000 đồng; buộc bà Trần Thị Bích L1 (mẹ của bị cáo Trần Xuân L) bồi thường cho gia đình anh T3 23.171.250 đồng; buộc bị cáo Nguyễn Trần Đăng K bồi thường cho gia đình anh T3 23.171.250 đồng; buộc bị cáo Lê Minh T bồi thường cho gia đình anh T3 23.171.250 đồng; buộc ông Đoàn Văn L3 và bà Đỗ Thị Thùy D (cha mẹ của bị cáo Đoàn Văn V) bồi thường cho gia đình anh T3 23.171.250 đồng; về việc ông Võ Văn T4 và bà Nguyễn Thị H1 có quyền liên hệ Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai để nhận số tiền bồi thường do gia đình bị cáo P đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0000968 ngày 28/8/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai; về lãi suất chậm thi hành án; về xử lý vật chứng; về án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm; về nghĩa vụ thi hành án không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
**(Đã ký)**